Những điểm mới đáng chú ý của Luật Trợ giúp pháp lý (sửa đổi) năm 2026

Ngày 23/4/2026, tại Kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XVI đã thông qua Luật Trợ giúp pháp lý (sửa đổi) năm 2026 với nhiều thay đổi quan trọng liên quan đến đối tượng được trợ giúp pháp lý, tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý cũng như tiêu chuẩn, điều kiện đối với đội ngũ trợ giúp viên pháp lý. Các sửa đổi lần này được đánh giá sẽ góp phần nâng cao hiệu quả tiếp cận công lý và bảo đảm tốt hơn quyền, lợi ích hợp pháp của người dân, đặc biệt là các nhóm yếu thế trong xã hội.



Bổ sung nhóm người được trợ giúp pháp lý

Trước đây, theo Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý 2017, người được trợ giúp pháp lý bao gồm:

- Người có công với cách mạng;

- Người thuộc hộ nghèo;

- Trẻ em;

- Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

- Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng, người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng, phạm nhân;

- Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo;

- Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân của hành vi mua bán người và người dưới 18 tuổi đi cùng theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người;

- Người thuộc một trong các trường hợp sau đây có khó khăn về tài chính: Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ; Người nhiễm chất độc da cam; Người cao tuổi; Người khuyết tật; Nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình; Người nhiễm HIV.

Theo Điều 7 Luật Trợ giúp pháp lý 2017 được sửa đổi bổ sung bởi khoản 2 Điều 1 Luật Trợ giúp pháp lý (sửa đổi) 2026, người được trợ giúp pháp lý bao gồm:

- Người có công với cách mạng; cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi liệt sĩ;

- Người thuộc hộ nghèo, người thuộc hộ cận nghèo;

- Người nhiễm chất độc da cam;

- Người khuyết tật;

- Trẻ em;

- Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; người dân tộc thiểu số rất ít người;

- Người được hưởng trợ cấp xã hội hằng tháng là người cao tuổi, người bị bạo lực trong vụ việc bạo lực gia đình, người nhiễm HIV;

- Người lao động có thu nhập thấp là người bị buộc tội, bị hại;

- Người có khó khăn đột xuất do gặp thiên tai hoặc hỏa hoạn được trợ giúp pháp lý trong vụ việc liên quan trực tiếp đến khắc phục hậu quả xảy ra với họ bởi các sự kiện này;

- Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp, người bị buộc tội, bị hại, người làm chứng, người chấp hành biện pháp xử lý chuyển hướng, phạm nhân theo quy định của Luật Tư pháp người chưa thành niên;

- Nạn nhân, người đang trong quá trình xác định là nạn nhân của hành vi mua bán người và người dưới 18 tuổi đi cùng theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người;

- Cá nhân bị thiệt hại mà không thuê người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

- Người nước ngoài theo điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định được trợ giúp pháp lý;

- Người được trợ giúp pháp lý khác theo quy định của pháp luật.

Theo đó, Luật sửa đổi đã bổ sung nhóm "người lao động có thu nhập thấp là người bị buộc tội, bị hại" nhằm bảo đảm tốt hơn quyền được trợ giúp pháp lý trong tố tụng hình sự. Đồng thời, bổ sung quy định mở "người được trợ giúp pháp lý khác theo quy định của pháp luật" để bảo đảm tính linh hoạt, phù hợp với yêu cầu thực tiễn trong từng giai đoạn.

Bổ sung quy định về điều kiện thành lập Chi nhánh

Theo Điều 11 Luật Trợ giúp pháp lý 2017, trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước được quy định như sau:

- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tư pháp, do UBND cấp tỉnh thành lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu, trụ sở và tài khoản riêng.

- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có thể có Chi nhánh.

Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, được thành lập tại các huyện ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, giao thông không thuận tiện đến Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước và chưa có tổ chức hành nghề luật sư hoặc tổ chức tư vấn pháp luật tham gia trợ giúp pháp lý. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Chi nhánh. Căn cứ nhu cầu và điều kiện thực tế tại địa phương, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

- Chính phủ quy định chi tiết về tổ chức và hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

Theo Điều 11 Luật Trợ giúp pháp lý 2017 được sửa đổi bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Luật Trợ giúp pháp lý (sửa đổi) 2026 thì quy định trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước như sau:

- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước là đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Tư pháp, do UBND cấp tỉnh thành lập, có tư cách pháp nhân, có con dấu, trụ sở và tài khoản riêng.

- Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có thể có Chi nhánh.

Chi nhánh là đơn vị phụ thuộc của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước. Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước chịu trách nhiệm về toàn bộ hoạt động của Chi nhánh. Căn cứ điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu trợ giúp pháp lý tại địa phương, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

- Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước, Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước; trình tự, thủ tục thành lập, giải thể, sáp nhập Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

Theo đó, việc thành lập Chi nhánh của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước căn cứ vào điều kiện kinh tế - xã hội và nhu cầu trợ giúp pháp lý tại địa phương, do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định nhằm bảo đảm tính chủ động, phù hợp thực tiễn và nâng cao hiệu quả tổ chức thực hiện.

Siết chặt hơn tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm trợ giúp viên pháp lý

Trước đây theo Điều 19 Luật Trợ giúp pháp lý 2017 quy định tiêu chuẩn trợ giúp viên pháp lý như sau:

Công dân Việt Nam là viên chức của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có đủ tiêu chuẩn sau đây có thể trở thành trợ giúp viên pháp lý:

- Có phẩm chất đạo đức tốt;

- Có trình độ cử nhân luật trở lên;

- Đã được đào tạo nghề luật sư hoặc được miễn đào tạo nghề luật sư; đã qua thời gian tập sự hành nghề luật sư hoặc tập sự trợ giúp pháp lý;

- Có sức khỏe bảo đảm thực hiện trợ giúp pháp lý;

- Không đang trong thời gian bị xử lý kỷ luật.

Theo Điều 19 Luật Trợ giúp pháp lý 2017 được sửa đổi bổ sung bởi khoản 4 Điều 1 Luật Trợ giúp pháp lý (sửa đổi) 2026 quy định tiêu chuẩn trợ giúp viên pháp lý như sau.

Cụ thể, công dân Việt Nam là viên chức của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước có đủ tiêu chuẩn sau đây có thể trở thành trợ giúp viên pháp lý:

- Có phẩm chất đạo đức tốt;

- Có trình độ cử nhân luật trở lên;

- Đã được đào tạo nghề luật sư hoặc được miễn đào tạo nghề luật sư;

- Đã qua thời gian tập sự hành nghề luật sư hoặc tập sự trợ giúp pháp lý, trừ trường hợp đã từng là trợ giúp viên pháp lý;

- Có sức khỏe bảo đảm thực hiện trợ giúp pháp lý.

Theo đó, Luật mới đã sửa đổi tiêu chuẩn trợ giúp viên pháp lý theo hướng siết chặt hơn tiêu chuẩn, điều kiện bổ nhiệm trợ giúp viên pháp lý nhằm nâng cao chất lượng, phòng ngừa rủi ro liên quan đến phẩm chất đạo đức.

Bổ sung các trường hợp không được bổ nhiệm, cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý

Theo khoản 1 Điều 21 Luật Trợ giúp pháp lý 2017 được sửa đổi bổ sung bởi khoản 5 Điều 1 Luật Trợ giúp pháp lý (sửa đổi) 2026 quy định, Chủ tịch UBND cấp tỉnh xem xét bổ nhiệm và cấp thẻ trợ giúp viên pháp lý cho người đủ tiêu chuẩn trợ giúp viên pháp lý quy định tại Điều 19 của Luật này mà không thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Đang trong thời hạn bị xử lý kỷ luật; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc;

- Đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đã bị kết án về tội phạm nghiêm trọng do cố ý, tội phạm rất nghiêm trọng do cố ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do cố ý; đã bị kết án mà chưa được xóa án tích về tội phạm rất nghiêm trọng do vô ý, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý.

Như vậy, Luật mới đã bổ sung các trường hợp không được bổ nhiệm, cấp thẻ đối với người đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc,

cơ sở giáo dục bắt buộc, người đã bị kết án mà chưa được xóa án tích về tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, rất nghiêm trọng do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng do cố ý.

Sửa đổi căn cứ miễn nhiệm, thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý

Theo khoản 1 Điều 22 Luật Trợ giúp pháp lý 2017 quy định, trợ giúp viên pháp lý bị miễn nhiệm và thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý khi thuộc một trong các trường hợp:

- Không còn đủ tiêu chuẩn làm trợ giúp viên pháp lý quy định tại Điều 19 của Luật Trợ giúp pháp lý;

- Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc;

- Chuyển công tác khác hoặc thôi việc theo nguyện vọng;

- Không thực hiện vụ việc tham gia tố tụng trong thời gian 02 năm liên tục, trừ trường hợp do nguyên nhân khách quan;

- Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo từ lần thứ 02 trở lên hoặc cách chức do thực hiện hành vi quy định tại điểm a, b, đ hoặc e khoản 1 Điều 6 của Luật này;

- Đang bị cấm hành nghề trong thời gian nhất định theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Theo khoản 1 Điều 22 Luật Trợ giúp pháp lý 2017 được sửa đổi bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Luật Trợ giúp pháp lý (sửa đổi) 2026 thì quy định, trợ giúp viên pháp lý bị miễn nhiệm và thu hồi thẻ khi thuộc một trong các trường hợp:

- Không còn đủ tiêu chuẩn trợ giúp viên pháp lý quy định tại Điều 19 của Luật này;

- Không thực hiện vụ việc tham gia tố tụng trong thời gian 12 tháng liên tục, trừ trường hợp do nguyên nhân khách quan;

- Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi việc;

- Bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo trở lên do thực hiện hành vi quy định tại khoản 1 Điều 6 của Luật này;

- Đang trong thời gian bị cấm hành nghề trợ giúp pháp lý theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền;

- Bị kết án mà bản án đã có hiệu lực pháp luật;

- Bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc.

Theo đó, Luật mới rút ngắn thời gian không tham gia tố tụng từ 02 năm xuống 12 tháng; sửa đổi quy định về hình thức kỷ luật làm căn cứ miễn nhiệm theo hướng chặt chẽ hơn.

Bổ sung cơ chế miễn nhiệm đương nhiên với trợ giúp viên pháp lý

Theo khoản 2 Điều 22 Luật Trợ giúp pháp lý 2017 được sửa đổi bổ sung bởi khoản 6 Điều 1 Luật Trợ giúp pháp lý (sửa đổi) 2026 quy định, trợ giúp viên pháp lý đương nhiên miễn nhiệm và thẻ trợ giúp viên pháp lý đương nhiên không còn giá trị trong các trường hợp sau đây:

- Chuyển công tác khác; thôi việc hoặc bị buộc thôi việc;

- Nghỉ hưu.

Đáng chú ý, Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định miễn nhiệm, thu hồi thẻ trợ giúp viên pháp lý.

Như vậy, Luật mới bổ sung cơ chế miễn nhiệm đương nhiên và thẻ trợ giúp viên pháp lý không còn giá trị khi trợ giúp viên pháp lý nghỉ hưu, thôi việc hoặc chuyển công tác, nhằm đơn giản hóa thủ tục hành chính.